

**CÔNG TY CẤP NƯỚC TNHH
ĐÔNG MỸ HẢI**

Số: 278 /CV-CTĐMH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ninh Thuận, ngày 07 tháng 04 năm 2023

V/v góp ý công văn 939/SXD-QLHĐXD&HTKT
ngày 29/3/2023 của Sở Xây dựng Ninh Thuận đề nghị
đăng tải dự thảo Quyết định phê duyệt phương án giá nước
và ban hành Biểu giá nước sạch sinh hoạt của Công ty
Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

Kính gửi: - Sở Xây dựng Ninh Thuận.

Qua nghiên cứu toàn văn Công văn số 939/SXD-QLHĐXD&HTKT ngày 29/3/2023 của Sở Xây dựng Ninh Thuận V/v đề nghị đăng tải dự thảo Quyết định phê duyệt phương án giá nước và ban hành Biểu giá nước sạch sinh hoạt của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận. Và, dự thảo Quyết định Phê duyệt Phương án giá nước và ban hành biểu giá nước sạch sinh hoạt của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận – dự kiến trình UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành.

Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải – là đơn vị cấp nước, mua buôn nước sạch của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận. Xin tham gia và kiến nghị một số ý kiến sau đây:

1. Về giá bán buôn nước sạch .

a. Về đề xuất giá bán buôn nước sạch trong dự thảo Quyết định:

- Nội dung dự thảo Quyết định, tại K.3, Điều 1: Biểu giá bán buôn nước sạch sinh hoạt: 6.000đ/m³ (chưa bao gồm VAT);

- Đối chiếu với công văn số 1005/UBND-KTTH ngày 20/3/2023 v/v giải quyết các vấn đề liên quan đến giá nước và đầu tư dự án Cụm xử lý nước sạch Đông Mỹ Hải của Chủ tịch UBND tỉnh, có chỉ đạo tại Điểm a, Mục 2: Để tránh những phát sinh vướng mắc liên quan giá bán sau khi ban hành quyết định Phương án giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận; cần "...giải thích rõ cách tính, phương pháp tính, cơ sở pháp lý tính giá bán buôn nước sạch sinh hoạt".

Đề nghị Sở Xây dựng xem xét lại Biểu giá bán buôn nước sạch sinh hoạt đề xuất 6.000đ/m³ (chưa bao gồm VAT) trong dự thảo Quyết định: đã thỏa mãn, đáp ứng yêu cầu chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh? Và, Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải hoàn toàn không thống nhất mức giá mua buôn nước sạch 6.000đ/m³ (chưa VAT). Với giá mua buôn này, căn cứ số liệu kết quả kinh doanh hợp lý, hợp lệ của Công ty qua thanh kiểm tra, kiểm toán, Công ty bán ra theo Biểu giá bán lẻ UBND tỉnh ban hành, Công ty lỗ bình quân từ 10,0 – 11,0 tr/ngày.

b. Thực hiện Thông báo số 71/TB-VPUB ngày 09/3/2023 của Văn phòng UBND tỉnh, ngày 28/3/2023 Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải có gửi công văn 275/CV-CTMH v/v đề xuất phương án giá mua buôn và phương án giá tiêu thụ nước sạch của Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải đính kèm: 02 Phương án Kế hoạch Giá thành mua buôn nước sạch gửi Sở Xây dựng xem xét.

Kính mong Sở Xây dựng nghiên cứu xem xét.

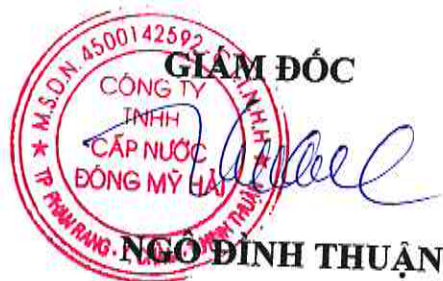
Trân trọng/.

Đính kèm:

- Công văn số 1005/ UBND-KTTH ngày 20/3/2023 của UBND tỉnh;
- Công văn 275/CV-CTMH ngày 28/3/2023 của Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải (ĐK Hai Phương án giá thành bán buôn nước sạch sinh hoạt).

Nơi nhận:

- Như trên
- PCT.UBND tỉnh-Phan Tấn Cảnh (B/cáo);
- Sở Thông tin và Truyền thông Ninh Thuận (-nt-);
- Sở Tài chính (- nt-);
- Lưu VTCT.



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 1005 /UBND-KTTH

V/v giải quyết các vấn đề
liên quan đến giá nước và
đầu tư dự án Cụm xử lý
nước sạch Đông Mỹ Hải

Ninh Thuận, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Kính gửi:

- Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường,
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND thành phố Phan Rang – Tháp Chàm và
các huyện: Ninh Hải, Ninh Phước, Thuận Nam,
Ninh Sơn;
- Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải.

Tiếp nhận Công văn số 728/SXD-QLHĐXD&HTKT ngày 14/3/2023 của Sở Xây dựng về việc báo cáo tình hình thực hiện tham mưu trình phương án giá thành và giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt của Công ty CP Cấp nước Ninh Thuận; Công văn số 266/CV-CTDMH ngày 06/3/2023 của Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải về việc kiến nghị UBND tỉnh xem xét lại đề xuất giá nước bán buôn của Sở Xây dựng, Sở Tài chính sắp trình UBND tỉnh và các kiến nghị khác,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Việc góp ý dự thảo và trình quyết định phương án giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận

a) Yêu cầu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Cục Thuế tỉnh và UBND thành phố Phan Rang – Tháp Chàm và các huyện: Ninh Hải, Ninh Phước, Thuận Nam, Ninh Sơn khẩn trương có văn bản góp ý theo nội dung đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 666/SXD-QLHĐXD&HTKT ngày 09/3/2023, gửi về Sở Xây dựng trước ngày 25/03/2023, báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Sau khi nhận được kết quả góp ý của các cơ quan tại nội dung điểm a trên, giao Sở Xây dựng khẩn trương hoàn thiện, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh (kèm theo đầy đủ các hồ sơ liên quan) xem xét, phê duyệt phương án giá

tiêu thụ nước sạch sinh hoạt của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận đảm bảo chất chẽ, đúng quy trình và đúng quy định; trình **trước ngày 05/4/2023**.

2. Theo kiến nghị của Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải tại Văn bản số 266-CV/CTĐMH ngày 06/3/2023:

a) Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ các quy định pháp luật, rà soát, nghiên cứu kỹ nội dung kiến nghị của Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải tại khoản 1 Văn bản số 266-CV/CTĐMH ngày 06/3/2023 làm việc trực tiếp hoặc có văn bản trả lời giải thích rõ cho Công ty biết và ~~đồng thuận~~ cách tính, phương pháp tính, cơ sở pháp lý tính giá bán buôn nước sạch sinh hoạt để ~~tránh phát sinh~~ những vướng mắc liên quan giá bán sau khi ban hành quyết định phương án giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

b) Giao Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ các quy định pháp luật và trên cơ sở ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 902/SKHĐT-EDO ngày 17/3/2023, chủ động, phối hợp hướng dẫn cho Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải sớm hoàn thành thủ tục đất đai và thủ tục đầu tư dự án Cụm xử lý nước sạch Đông Mỹ Hải theo đúng tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 604/UBND-KTTH ngày 23/02/2023 và đúng quy định pháp luật.

c) Đề nghị Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải bám sát các nội dung tại Thông báo số 71/TB-VPUB ngày 09/3/2023 của Văn phòng UBND tỉnh và các nội dung nêu trên, tích cực chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng của Tỉnh để triển khai, sớm hoàn thành dự án trong năm 2023 theo cam kết của Doanh nghiệp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh PTC;
- Các Sở: TC, TP, KHĐT;
- Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, NDT



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Tấn Cảnh

**CÔNG TY TNHH CẤP NƯỚC
ĐÔNG MỸ HẢI**

Số : 215/CV-CTĐMH

V/v đề xuất phương án giá mua buôn
và phương án giá tiêu thụ nước sạch của
Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ninh Thuận, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận.

Thực hiện nội dung tinh thần Thông báo số 71/TB-VPUB ngày 09/3/2023 của Văn Phòng UBND tỉnh về Thông báo kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phan Tấn Cảnh tại cuộc họp nghe báo cáo và chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên quan đến tranh chấp giá nước và đầu tư Cụm xử lý nước Đông Mỹ Hải.

Và, công văn số 1005/UBND-KTTH ngày 20/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận V/v giải quyết các vấn đề liên quan đến giá nước và đầu tư dự án Cụm xử lý nước sạch Đông Mỹ Hải.

Về phương án giá thành tiêu thụ nước sạch sinh hoạt (bán lẻ) và mức giá bán buôn nước sạch sinh hoạt của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (Cty.CPNT) đề xuất bán cho Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải (Cty.ĐMH), được Sở Xây dựng dự kiến sẽ trình UBND tỉnh ban hành theo Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính. Theo đó: Cty.CPNT đề xuất mức giá bán buôn 6.000đ/m³ (chưa VAT) theo Bản án kinh doanh thương mại Phúc thẩm số 88/2022/KDTM-PT ngày 20/12/2022 của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên.

Từ giá bán buôn 7.000đ/m³ của Cty.CPNT áp đặt thực hiện ban đầu (đã có 02 Bản án không chấp nhận) đến giá bán buôn tạm tính 6.000đ/m³ (chưa VAT) – có hiệu lực 06 tháng, theo Quyết định số 72/QĐ-STC của Sở Tài chính đã dẫn đến tranh chấp, kiện tụng kéo dài hơn 04 năm qua. Do Phương án giá thành nước sạch sinh hoạt – ban hành năm 2017 là **Phương án giá thành bán lẻ**, không phải phương án giá bán buôn; và mức giá bán buôn của Cty.CPNT trình UBND tỉnh phê duyệt, ban hành là chưa phù hợp.

Thực hiện Điểm a, Mục 2 của công văn số 1005/UBND-KTTH ngày 20/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh:

Cty.ĐMH căn cứ vào những quy định pháp luật, phương pháp, cách tính, cơ sở số liệu được cập nhật năm 2021, xây dựng đề xuất phương án tính **giá bán buôn và mức giá bán buôn** nước sạch sinh hoạt của Cty.CPNT bán cho Cty.ĐMH:

Căn cứ:

- Nghị định 117/2017/NĐ-CP ngày 11/7/2017 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính về Quy định về khung giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá nước sinh hoạt;
- Phương án giá thành tiêu thụ nước sạch sinh hoạt của Cty.CPNT trình Sở Tài chính và Sở Xây dựng (giữ nguyên như Phương án được Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND tỉnh phê duyệt, ban hành; đang tổ chức lấy ý kiến Sở, ngành, địa phương) – trong đó có mức giá bán buôn;
- Số liệu đã được kiểm toán hợp lý, hợp lệ về kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh của Cty.ĐMH năm 2021;
- Vị trí đầu nối nguồn nước của Cty.ĐMH đầu nối với Cty.CPNT để loại trừ những hoạt động, chi phí không liên quan (ví dụ: Nhà máy nước Phước Dinh, Nhà máy nước Tân Sơn,...chi phí hao hụt chưa được tính đến) trong cơ cấu phương án giá thành tiêu thụ nước sạch sinh hoạt của Cty.CPNT.

Cty.ĐMH xây dựng 02 Phương án giá thành mua buôn và giá thành tiêu thụ nước sạch sinh hoạt:

1. **Phương án I:** Phương án giá thành mua buôn khi áp dụng theo giá bán lẻ tại Quyết định 50/2017/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND tỉnh.
2. **Phương án II:** Phương án giá thành tiêu thụ nước sạch sinh hoạt với trường hợp mua buôn nước sạch do Cty.CPNT đề xuất mức giá **6.000đ/m³**.

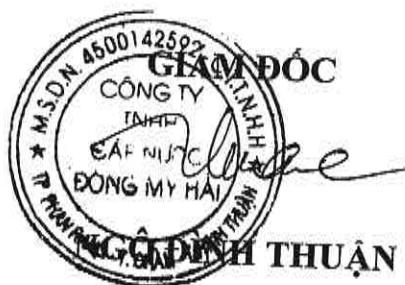
Cty.ĐMH kính trình Sở Xây dựng và các Sở ngành liên quan nghiên cứu, xem xét nhằm **xác lập giá bán buôn** nước sạch sinh hoạt phù hợp theo pháp luật, đảm bảo lợi ích hài hòa của đơn vị cấp nước, tránh phát sinh những vướng mắc liên quan giá bán buôn sau khi UBND tỉnh phê duyệt, ban hành Phương án giá thành tiêu thụ nước sạch sinh hoạt theo đề xuất của Cty.CPNT – trong đó có mức giá bán buôn.

Trân trọng ./.

Đính kèm: Hai Phương án giá thành bán buôn nước sạch sinh hoạt.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT.UBND tỉnh - Phan Tấn Cảnh (B/cáo);
- Sở Tài chính (- nt -);
- Lưu VTCT.



**PHƯƠNG ÁN GIÁ THÀNH MUA BUÔN VÀ
PHƯƠNG ÁN GIÁ THÀNH TIÊU THỤ NƯỚC SẠCH SINH HOẠT**
**Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận bán cho Công ty TNHH
Cấp nước Đông Mỹ Hải**

(Theo Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/06/2021 của Bộ Tài chính *Quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt*)
(Kèm theo Công văn số 275/CV-CTĐMH ngày 28/3/2023)

PHƯƠNG ÁN 1:
**PHƯƠNG ÁN GIÁ THÀNH MUA BUÔN KHI ÁP DỤNG THEO GIÁ BÁN
LẺ TẠI QUYẾT ĐỊNH 50/2017/QĐ-UBND NGÀY 30/6/2017 CỦA UBND
TỈNH.**

PHẦN I: SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN BUÔN

Hiện nay, Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/06/2021 của Bộ Tài chính *Quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt* có hiệu lực thi hành từ tháng 8/2021 (thay thế Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/05/2012 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Giá bán buôn nước sạch hiện tại đang thực hiện theo Hợp đồng Dịch vụ Cấp nước – 2012 (Phụ lục số 03/2017 PLHĐ) đến nay đã hơn 05 năm thực hiện.

Phương án giá thành nước sạch sinh hoạt ban hành năm 2017 là Phương án giá thành bán lẻ, không phải phương án giá bán buôn; và mức giá bán buôn của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (Cty.CPNT) trình UBND tỉnh phê duyệt, ban hành là chưa phù hợp. Căn cứ vào Vị trí đầu nối nguồn nước của Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải (Cty.ĐMH) đầu nối với Cty.CPNT để loại trừ những hoạt động, chi phí không liên quan (ví dụ: Nhà máy nước Phước Dinh, Nhà máy nước Tân Sơn,...chưa tính tỷ lệ hao hụt cho phép) trong cơ cấu phương án giá thành tiêu thụ nước sạch sinh hoạt của Cty.CPNT.

Đồng thời, Cty.ĐMH căn cứ vào những quy định pháp luật, phương pháp, cách tính, cơ sở số liệu được cập nhật năm 2021, xây dựng phương án giá thành **bán buôn và mức giá bán buôn** nước sạch sinh hoạt, phù hợp theo pháp luật, đảm bảo lợi ích hài hòa của đơn vị cấp nước, tránh phát sinh những vướng mắc liên quan giá bán buôn sau khi UBND tỉnh phê duyệt, ban hành Phương án giá thành tiêu thụ nước sạch sinh hoạt của Cty.CPNT – trong đó có mức giá bán buôn.

PHẦN II: CÁC CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN GIÁ BÁN BUÔN VÀ MỨC GIÁ BÁN BUÔN NƯỚC SẠCH:

1. Căn cứ pháp lý:

- Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

- Nghị định 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

- Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính về Quy định về khung giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá nước sinh hoạt.

2. Cơ sở Phương pháp, số liệu đưa vào Phương án tính:

- Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải là đơn vị kinh doanh nước sạch nhưng không sản xuất nước sạch mà mua buôn nước sạch (đại lý) của Cty.CPNT – cấp từ nguồn nước Nhà máy nước Tháp Chàm vận chuyển qua đường ống truyền tải từ Tháp Chàm theo đường 21/8 xuống Phan Rang và đầu nối tại đường Yên Ninh; sau đó Cty.ĐMH phân phối, bán lẻ cho nhân dân 03 Phường Đông Hải, Mỹ Hải, Mỹ Đông theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Cty.ĐMH không xây dựng phương án giá thành bán lẻ riêng - đầu ra bị khống chế thực hiện thống nhất cùng một giá với Cty.CPNT.

Mặc khác, Cty.ĐMH là đơn vị kinh doanh, do vậy để đảm bảo trang trải chi phí, hiệu quả hoạt động thì các chi phí đầu vào phải tính đúng, tính đủ các chi phí hợp lý, hợp lệ – trong đó có giá mua buôn nước sạch.

- Số liệu đã được kiểm toán hợp lý, hợp lệ về kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh năm 2021 của Cty.ĐMH (Qua các năm chưa năm nào lợi nhuận vượt quá 3% doanh thu);

- Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Cty.ĐMH.

- Bảng mức giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt (bán lẻ) theo Phương án giá thành tiêu thụ nước sạch sinh hoạt của Cty.CPNT trình.

PHẦN III: GIÁ THÀNH NƯỚC MÁY

- Khối lượng nước ghi thu năm 2021: **1.520.650m³** (Khối lượng nước thực tế)

- Khối lượng nước mua vào năm 2021: **1.719.339m³** (Khối lượng nước thực tế)

Các chi phí sẽ căn cứ theo chi phí trong BCTC năm 2021 đã được kiểm toán. Cụ thể như sau:

I. Chi phí nhân công (C_{NC})

1. Chi phí tiền lương: 1.597.728.194 đồng

2. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: 198.576.000 đồng

3. Kinh phí công đoàn: 18.912.000 đồng

4. Ăn ca: 210.240.000 đồng
@ Cộng C_{NC} : 2.025.456.194 đồng

II. Chi phí khấu hao TSCĐ (C_{KH}):
@ Cộng C_{KH} : 1.395.695.985 đồng

III. Chi phí quản lý doanh nghiệp (C_{QL})

1. Trang phục lao động: 111.820.000 đồng
 2. Văn phòng phẩm, vật dụng mau hỏng: 10.301.819 đồng
 3. Điện thoại cố định: 1.674.267 đồng
 4. Internet, server, hosting, ivan: 16.701.546 đồng
 5. Phụ cấp điện thoại: 37.816.778 đồng
 6. Phụ cấp xăng: 54.000.000 đồng
 7. Phụ cấp giảm tỷ lệ hao hụt: 1.157.105.000 đồng
 8. Điện văn phòng: 31.267.025 đồng
 9. Phân bổ vật dụng, công cụ: 78.394.640 đồng
 10. Các loại thuế phí: 20.736.904 đồng
 11. Phí kiểm toán: 32.000.000 đồng
 12. Công tác phí, tiếp khách, hội nghị, hội phí: 32.418.182 đồng
 13. Nhiên liệu oto, máy xúc,...: 194.589.254 đồng
 14. Chi phí khác (dịch vụ ngân hàng, thuê văn phòng, hỗ trợ covid cho dân, dịch vụ pháp lý,...): 692.191.396 đồng
- @ Cộng C_{QL} : 2.471.016.811 đồng

IV. Chi phí bán hàng (C_{BH})

1. Chi phí đồng hồ: 286.895.408 đồng
 2. Chi phí sửa chữa, di dời đường ống: 356.359.974 đồng
 3. Phân bổ vật dụng, công cụ: 14.401.739 đồng
 4. Chi phí biên nhận: 19.860.000 đồng
 5. Chi phí quảng cáo tuyên truyền: 10.000.000 đồng
 6. Phụ cấp điện thoại: 16.800.000 đồng
 7. Phụ cấp xăng: 25.200.000 đồng
 8. Phụ cấp giảm tỷ lệ hao hụt: 476.455.000 đồng
 9. Chi phí khác: 46.599.093 đồng
 - Mục in: 963.637 đồng
 - Chi phí khác: 45.635.456 đồng
- @ Cộng C_{BH} : 1.252.571.214 đồng

V. Chi phí tài chính (C_{TC})

@ C_{TC} : 224.972.719 đồng

A. Tổng chi phí sản xuất, kinh doanh nước sạch chưa bao gồm chi phí mua nước (C_T)

$$C_T = C_{NC} + C_{KH} + C_{QL} + C_{BH} + C_{TC} = 7.369.712.923 \text{ đồng}$$

B. Giá thành 1 m³ nước sạch chưa gồm chi phí mua nước:

$$7.369.712.923 / 1.520.650 = 4.846 \text{ đồng/m}^3$$

C. Giá bán lẻ nước sạch bình quân chưa gồm chi phí mua nước:

$$4.846 \text{ đồng/m}^3 + 360 \text{ đồng/m}^3 = 5.206 \text{ đồng/m}^3$$

(Mức lợi nhuận định mức tối thiểu tại Điều 8 – Thông tư 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 là: 360 đồng/m³)

D. Doanh thu năm 2021 (Bảng phân tích đối tượng + khối lượng nước tại công văn 396/BC-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh – trong đó đối tượng hộ nghèo, chính sách và sinh hoạt dân cư chiếm 98%): 12.297.447.361 đồng

E. Chi phí mua nước: 12.297.447.361 - 7.369.712.923 = 4.927.734.438 đồng

F. Giá mua buôn 1m³ nước: 4.927.734.438 / 1.719.339 = 2.866 đồng/m³

G. Giá bán lẻ nước sạch bình quân gồm chi phí mua nước:

$$5.206 + 2.866 = 8.072 \text{ đồng/m}^3$$

Ghi chú: Các mức giá trên chưa có thuế giá trị gia tăng và chưa có phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

PHƯƠNG ÁN 2:
PHƯƠNG ÁN GIÁ THÀNH TIÊU THỤ NƯỚC SẠCH SINH HOẠT VỚI
TRƯỜNG HỢP MUA BUÔN NƯỚC SẠCH THEO GIÁ MUA BUÔN DO
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN ĐỀ XUẤT: 6.000Đ/M³

I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ:

1. Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10/12/2015 về việc ban hành biểu mức thuế suất tài nguyên;
2. Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30/05/2014 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc ban hành Định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước;
3. Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính về Quy định về khung giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá nước sinh hoạt;
4. Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 về việc quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;
5. Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động là việc trong công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
6. Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 quy định về giá bán điện;
7. Một số chỉ tiêu căn cứ vào số liệu của BCTC đã được kiểm toán năm 2021.

II. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ THÀNH TOÀN BỘ CỦA SẢN PHẨM NƯỚC SẠCH:

Số TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Chi phí mua nước [(3) x (4)]	10.948.680.000
1.1	Khối lượng nước ghi thu kế hoạch 2022 (m ³) (dựa theo khối lượng thực tế 2021)	1.520.650
1.2	Tỷ lệ hao hụt (%)	20
1.3	Khối lượng nước mua vào kế hoạch 2022 (m ³) [(1) + (1)*(2)]	1.824.780
1.4	Đơn giá mua nước (đồng/m ³)	6.000
2	Quản lý, vận hành mạng cấp nước	905.243.537
2.1	Quản lý, vận hành mạng cấp nước DN ≤ 75:	257.890.052
	<i>Nhân công</i>	
	Kỹ sư 4/8: 22,859km*(0,284 công*246.000*1,65/1,52)*12 tháng	20.803.302
	Nhân công 4/7: 22,859km*(2,034 công*246.000*1,65/1,52 đồng/công)*12 tháng	148.992.664
	<i>Máy thi công</i>	
	Máy bơm nước 8CV: (22,859 km x 0,0195 ca x 99.093 đồng/ca x 12 tháng)	530.049
	Ô tô vận chuyển 2,5T: (22,859 km x 0,4955 ca x 644.234 đồng/ca x 12 tháng)	87.564.037
2.2	Quản lý, vận hành mạng cấp nước 75 < DN ≤ 300:	338.374.221

	Nhân công	
	Kỹ sư 4/8: $29,993 \text{ km} \times (0,284 \text{ công} \times 246.000 \times 1,65/1,52 \text{ đồng/công}) \times 12 \text{ tháng}$	27.295.745
	Nhân công 4/7: $29,993 \text{ km} \times (2,034 \text{ công} \times 246.000 \times 1,65/1,52 \text{ đồng/công}) \times 12 \text{ tháng}$	195.491.359
	Máy thi công	
	Máy bơm nước 8CV: $(29,993 \text{ km} \times 0,0195 \text{ ca} \times 99.093 \text{ đồng/ca} \times 12 \text{ tháng})$	695.471
	Ô tô vận chuyển 2,5T: $(29,993 \text{ km} \times 0,4955 \text{ ca} \times 644.234 \text{ đồng/ca} \times 12 \text{ tháng})$	114.891.647
2.3	Bảo dưỡng thiết bị trên mạng và xúc xả đường ống cấp nước DN ≤ 75:	191.065.915
	Vật liệu	
	Nước súc xả $(22,859 \text{ km} \times 1,228 \text{ m}^3 \times 6.000 \text{ đồng/m}^3 \times 12 \text{ tháng})$	2.021.101
	Vật liệu khác (5% vật liệu chính)	101.055
	Nhân công	
	Nhân công bậc 4/7 $(22,859 \text{ km} \times 1,315 \text{ công} \times 246.306 \times 1,65/1,52 \text{ đồng/công} \times 12 \text{ tháng})$	96.444.968
	Máy thi công	
	Máy bơm nước 8CV $(22,859 \text{ km} \times 0,0195 \text{ ca} \times 99.093 \text{ đồng/ca} \times 12 \text{ tháng})$	530.049
	Ô tô vận chuyển 2,5T $(22,859 \text{ km} \times 0,4955 \text{ ca} \times 644.234 \text{ đồng/ca} \times 12 \text{ tháng})$	87.564.037
	Máy khác (5% máy chính)	4.404.704
2.4	Bảo dưỡng thiết bị trên mạng và xúc xả đường ống cấp nước $75 < \text{DN} \leq 300$:	117.913.349
	Vật liệu	
	Nước súc xả $(29,993 \text{ km} \times 3,742 \text{ m}^3 \times 6.000 \text{ đồng/m}^3 \times 12 \text{ tháng})$	8.080.834
	Vật liệu khác (5% vật liệu chính)	404.042
	Nhân công	
	Nhân công bậc 4/7 $(29,993 \text{ km} \times 0,6035 \text{ công} \times 246.306 \times 1,65/1,52 \text{ đồng/công} \times 12 \text{ tháng})$	58.075.609
	Máy thi công	
	Máy bơm nước 8CV $(29,993 \text{ km} \times 0,0345 \text{ ca} \times 99.093 \text{ đồng/ca} \times 12 \text{ tháng})$	1.230.448
	Ô tô vận chuyển 2,5T $(29,993 \text{ km} \times 0,198 \text{ ca} \times 644.234 \text{ đồng/ca} \times 12 \text{ tháng})$	45.910.285
	Máy phát điện lưu động 10kw $(29,993 \text{ km} \times 0,012 \text{ ca} \times 409.067 \text{ đồng/ca} \times 12 \text{ tháng})$	1.766.757
	Máy khác (5% máy chính)	2.445.374
3	Chi phí sản xuất chung (C_{sxc})	1.713.795.249
3.1	Khấu hao tài sản cố định	1.395.695.985
3.2	Chi phí bảo dưỡng thiết bị trên mạng và xúc xả đường ống cấp nước ($2 = 2.1 + 2.2$)	308.979.264
3.3	Dụng cụ lao động + bảo hộ lao động $(760.000 \text{ đồng/tháng} \times 12 \text{ tháng})$	9.120.000
4	Cộng giá thành sản xuất (CP): (I + II)	13.567.718.786
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp (C_q)	2.142.539.276
5.1	Tiền lương cơ bản nhân viên quản lý (Số thực chi Khối văn phòng 12 người năm 2021)	686.840.000
5.2	Chi phí BHXH (17%), BH TNLĐ-BNN (0,5%), BHYT (3%), BHTN (1%), KPCĐ (2%) (Số thực đóng năm 2021)	75.624.000
5.3	Tiền ăn ca (Số thực chi năm 2021)	87.600.000
5.4	Tiền điện	31.267.025
5.5	Tiền điện thoại cố định + phụ cấp điện thoại	39.491.045

5.6	Tiền Internet, server, hosting, ivan	16.701.546
5.7	Chi phí văn phòng phẩm	10.301.819
5.8	Chi phí vật dụng, công cụ	78.394.640
5.9	Công tác phí (phụ cấp xăng)	54.000.000
5.10	Các khoản Thuế, phí và lệ phí	20.736.904
5.11	Chi phí dịch vụ mua ngoài:	724.191.396
a	- Phí kiểm toán	32.000.000
b	- Dịch vụ ngân hàng, thuê văn phòng, dịch vụ pháp lý...	692.191.396
5.12	Chi phí Lãi vay	224.972.719
5.13	Trang phục lao động (12 người x 5.000.000đ)	60.000.000
5.14	Chi phí tiếp tân, giao dịch	32.418.182
6	Chi phí bán hàng (C_b)	1.492.039.915
6.1	Công tác quản lý khách hàng	1.107.509.051
	<i>Giấy liên tục: 8.355/1.000*(140 tờ*195đ*12 tháng)</i>	2.737.098
	<i>Giấy A4: 8.355/1.000*(150 tờ*142đ*12 tháng)</i>	2.135.538
	<i>Phôi hóa đơn tiền nước: 8.355/1.000*(1006 tờ*195đ*12 tháng)</i>	19.668.004
	<i>Mực in laser: 8.355/1.000*(0,095 hộp*120.000đ*12 tháng)</i>	1.142.964
	<i>Mực in giấy liên tục: 8.355/1.000*(0,35 băng*250.000đ*12 tháng)</i>	8.772.750
	<i>Mực in hóa đơn tiền nước: 8.355/1.000*(0,015 băng*250.000đ*12 tháng)</i>	375.975
	<i>Vật liệu khác : 5%</i>	1.741.616
	<i>Nhân công 4/7: 8.355/1.000*(40 công*246.000*1,65/1,52 đồng/công)*12 tháng</i>	1.070.935.105
6.2	Chi phí lắp đặt đồng hồ (Số thực chi 2021)	286.895.408
6.3	Chi phí quảng cáo và chi phí khác (Số thực chi 2021)	97.635.456
Tổng cộng Chi phí (4+5+6)		17.202.297.977

III. GIÁ TIÊU THU NƯỚC SẠCH:

A. GIÁ THÀNH TOÀN BỘ 1 M³ NƯỚC SẠCH

Giá thành toàn bộ 1m³ nước sạch được xác định như sau:

$Z_{tb} = C_t / SL_{tp}$	Giá trị
<i>Trong đó:</i>	
- C _t : là tổng chi phí sản xuất, kinh doanh nước sạch hợp lý, hợp lệ ứng với sản lượng nước thương phẩm (đồng)	17.202.297.977
- SL _{tp} : là sản lượng nước thương phẩm kế hoạch năm 2022 (m ³ /năm)	1.520.650
- Z _{tb} : là giá thành toàn bộ 1m ³ nước sạch bình quân (đồng/m ³)	11.312

B. GIÁ TIÊU THU NƯỚC SẠCH BÌNH QUÂN:

Giá tiêu thụ nước sạch bình quân (chưa có thuế GTGT) được xác định theo công thức sau:

$G_{ttbq} = Z_{tb} \times (1 + P)$	
<i>Trong đó:</i>	
- Z _{tb} : là giá thành toàn bộ 1m ³ nước sạch bình quân (đồng/m ³)	11.312
- P: là lợi nhuận định mức trên m ³ nước thương phẩm (360đ/m ³ lợi nhuận định mức tối thiểu)	360
- G _{ttbq} : là giá tiêu thụ bình quân (đồng/m ³)	11.672

* Giá tiêu thụ nước sạch bình quân (chưa có thuế GTGT) tính cho 1m³ nước thương phẩm: $G_{ttbq} = 11.672 \text{ đồng/m}^3$

Ghi chú: Các mức giá trên chưa có thuế giá trị gia tăng và chưa có phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

(Nếu **Phương án 2** này được UBND tỉnh đồng ý thì Cty ĐMH sẽ xây dựng phương án mức giá tiêu thụ nước máy áp dụng cho các đối tượng).

